

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1331/UBND-NN
V/v Đăng ký kế hoạch xã đạt
chuẩn nông thôn mới năm 2020

Vĩnh Linh, ngày 25 tháng 10 năm 2019

Đ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG
H QUẢNG TRỊ GIAI ĐOẠN 2016-2020
VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị;
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh.

Số: 687
Ngày: 29/10/2019
Nguyên: VP
Hồ sơ số: 2

Căn cứ Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 23/02/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành bộ tiêu chí về xã nông thôn mới tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 2130/QĐ-UBND ngày 04/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới, thẩm tra huyện huyện chuẩn nông thôn mới, thị xã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2020;

Tính đến tháng 10/2019, huyện Vĩnh Linh có thêm 02 xã (Vĩnh Hà, Vĩnh Thái) đều có số tiêu chí nông thôn mới đã đạt chuẩn theo quy định là 14/19 tiêu chí, đạt tỷ lệ 73,7% và có đủ điều kiện phấn đấu xã đạt chuẩn nông thôn mới trong năm 2020.

Trên cơ sở khối lượng và tiến độ thực hiện hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn các xã, UBND huyện Vĩnh Linh đăng ký phấn đấu 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020, gồm các xã: Vĩnh Hà và Vĩnh Thái.

(Có Phụ lục kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới và nhu cầu đầu tư của các xã đính kèm).

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, VPĐP nông thôn mới tỉnh xem xét, đưa vào kế hoạch chỉ đạo thực hiện. /.

Nơi nhận: DV

- Như trên;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND, UBND huyện;
- UBND các xã;
- Lưu: VT. VT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Thái Văn Thành



Kèm theo Công văn số 4334/UBND-VPĐP ngày 25/10/2019 của UBND huyện Vĩnh Linh)

ĐVT: Triệu đồng

[illegible]

TT	Danh mục công trình	Địa điểm đầu tư	Khối lượng thực hiện	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn							Ghi chú	
					Vốn CTMTQG xây dựng NTM				Vốn lồng ghép các chương trình, DA	Vốn DN, HTX	Vốn huy động dân		Vốn khác
					Vốn CTMTQG xây dựng NTM								
					NS TW (đã có QĐ phân bổ)	NS Tỉnh	NS huyện	NS xã					
	Hai phòng học trường Tiểu học Cùm: Thái Lai	Thôn Đông Luật	2 phòng	1.053			1.000				53		
	Trường THCS												
	Sân thể dục trường THCS	Thôn Thờ Luật		263	250						13		
	Hai phòng học trường THCS	Thôn Thờ Luật		1.158	1.100						58		
3	Cơ sở vật chất văn hóa			1.976	850	0	1.000	0	0	0	126	0	
	Tường rào khu thiết chế văn hóa xã, công trình nhà vệ sinh khu thiết chế văn hóa xã	xã Vĩnh Thái		1.111			1000				111		
	Sân và đường khu thiết chế văn hóa xã	xã Vĩnh Thái	1500m2	865	850						15		
4	Tu sửa, bổ sung hệ thống đài truyền	xã Vĩnh Thái	7 cụm	103	100						3		
II	XÃ VĨNH HÀ			12.815	0	3.500	5.000	0	2.200	0	2.115		
1	Chợ	Xã Vĩnh Hà		2.010			2.000				10		
2	Trường học			4.375	0	3.500	0	0	0	0	875		
2.1	Trường mầm non	Xã Vĩnh Hà		3.975		3.180					795		
	Nhà hiệu bộ trường mầm non	Xã Vĩnh Hà	6 phòng	1.500		1.200					300		
	Nhà bếp, văn phòng trường mầm non	Xã Vĩnh Hà	2 phòng	1.200		960					240		
	Sân chơi trường mầm non	Xã Vĩnh Hà	1000m2	530		424					106		
	Cổng trường trường mầm non	Xã Vĩnh Hà		130		104					26		
	Tường rào trường mầm non	Xã Vĩnh Hà	250m	400		320					80		
	Khu vực để xe trường mầm non	Xã Vĩnh Hà	150m2	65		52					13		
	Nhà vệ sinh trường mầm non	Xã Vĩnh Hà		150		120					30		
2.2	Trường tiểu học	Xã Vĩnh Hà		400	0	320	0	0	0	0	80		
	Cổng trường trường tiểu học	Xã Vĩnh Hà		130		104					26		
	Sân bê tông trường tiểu học	Xã Vĩnh Hà	500m2	270		216					54		
3	Cơ sở vật chất văn hóa			6.430	0	0	3.000	0	2.200	0	1.230		
	Nhà văn hóa thôn	Xã Vĩnh Hà	4 nhà Văn hóa	4.000			1.200		2.200		600		
	Trung tâm văn hóa xã	Xã Vĩnh Hà		1.000			800				200		
	Sân Thể thao xã	Xã Vĩnh Hà		1.430			1.000				430		

✓



PHỤ LỤC: KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ CỦA XÃ VĨNH THÁI
(Kết quả rà soát đến ngày 23/10/2019)

(Kèm theo Công văn số: 4324/UBND-VPDP ngày 25/10/2019 của UBND huyện Vĩnh Linh)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết tự đánh giá của xã Vĩnh Thái
I. QUY HOẠCH					
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn		Đạt	Đạt
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch		Đạt	Đạt
II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI					
2	Giao thông	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm		100%	11km/13,5km 81,50%
		2.2. Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm		≥85%	12,8km/25,3km 50,60%
		2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa		100%	100%
		2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm		≥80%	12,2/15,8 82%
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên		Đạt	Đạt
4	Điện	3.2. Đảm bảo đủ Điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ		Đạt	Đạt
		4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn		Đạt	Đạt
5	Trường học	4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	%	≥98%	100%
		Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	%	≥80%	33,30% Trường THCS Trường TH và trường MN chưa

✓

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết tự đánh giá của xã Vĩnh Thái
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã		Đạt	Đạt
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định		Đạt	Đạt
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	%	100%	100%
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa		Đạt	Đạt
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính		≥95%	100%
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet		≥95%	100%
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn		100%	100%
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, Điều hành		75%	100%
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát		Không	Không
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	%	≥80%	96%
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn năm 2019	Triệu đồng	≥33	38,5
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều	%	≤5%	5,30%
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	%	≥90%	98%
13	Tổ chức SX	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012		Đạt	Đạt
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững		Đạt	Đạt

✓

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết tự đánh giá của xã Vĩnh Thái
14	Giáo dục	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở		Đạt	Đạt
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp)	%	≥85%	97%
		14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	%	≥40%	55%
		15.1. Tỷ lệ người dân tham gia BHYT	%	≥85%	100%
15	Y tế	15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế		Đạt	Đạt
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi	%	≤24,2%	7,94%
16	Văn hóa	Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định	%	≥70%	100%
		17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định	%	≥98% (≥60% nước sạch)	72%
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	%	100%	58%
		17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn		Đạt	Đạt
		17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch		Đạt	Đạt
		17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định.		Đạt	Đạt
		17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	%	≥85%	65%
		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	%	≥70%	73%
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	%	100%	100%
		18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn		Đạt	Đạt
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định		Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết tự đánh giá của xã Vĩnh Thái
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp Luật	18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh" 18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên 18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp Luật theo quy định 18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	%	Đạt 100% Đạt	Đạt 100% Đạt
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng 19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước		Đạt Đạt	Đạt Chưa đạt

Tiêu chí đã đạt chuẩn: 14/19 tiêu chí.

Các tiêu chí chưa đạt gồm: Giao thông, Trường học, Hộ nghèo, Môi trường và an toàn thực phẩm, Quốc phòng và An ninh. *lu*



PHỤ LỤC: KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ NTM CỦA XÃ VĨNH HÀ
(kết quả rà soát đến ngày 23/10/2019)

(Kèm theo Công văn số: 433A../UBND-VPĐP ngày 25../10/2019 của UBND huyện Vĩnh Linh)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã
I. QUY HOẠCH					
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố khai đúng thời hạn		Đạt	Đạt
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch		Đạt	Đạt
II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI					
2	Giao thông	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm		100%	18km/18km
		2.2. Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm		≥85%	32,50km/32,50km
		2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa		100%	100%
		2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm		≥80%	35/43
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên		Đạt	Đạt
		3.2. Đảm bảo đủ Điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ		Đạt	Đạt
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn		Đạt	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	%	≥98%	100%
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	%	≥80%	Trường MN chưa đạt
					Trường TH chưa đạt

✓

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã		Đạt	Đạt
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định		Đạt	Đạt
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	%	100%	100%
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa		Đạt	Chưa đạt
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính		≥95%	100%
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet		≥95%	100%
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn		100%	100%
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, Điều hành		75%	100%
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát		Không	Có
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	%	≥80%	47%
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn năm 2019	tr.đ	≥33	33
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều	%	≤5%	18,20%
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	%	≥90%	97%
13	Tổ chức	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012		Đạt	Đạt
	sản xuất	13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững		Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã
14	Giáo dục	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở		Đạt	Đạt
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp)	%	≥85%	95%
		14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	%	≥40%	56%
		15.1. Tỷ lệ người dân tham gia BHYT	%	≥85%	87%
15	Y tế	15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế		Đạt	Đạt
16	Văn hóa	15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi	%	≤24,2%	7,94%
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định	%	≥70%	100%
		17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định	%	≥98% (≥60% nước sạch)	67%
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	%	100%	100%
		17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn		Đạt	Đạt
		17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch		Đạt	Đạt
		17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định.		Đạt	Đạt
		17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	%	≥85%	85%
		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	%	≥70%	72%

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	%	100%	100%
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp Luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn		Đạt	Đạt
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định		Đạt	Đạt
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"		Đạt	Chưa đạt
		18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên	%	100%	100%
		18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp Luật theo quy định		Đạt	Đạt
		18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội		Đạt	Đạt
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng		Đạt	Đạt
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước		Đạt	Đạt

Tiêu chí đã đạt chuẩn: 14/19 tiêu chí.

Các tiêu chí chưa đạt gồm: Trường học, Cơ sở HTTM nông thôn, Nhà ở dân cư, Thông tin và truyền thông, Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp Luật.